

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/KDTM-ST
Ngày: 03-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Trần Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2017/TLST-KDTM ngày 18 tháng 05 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2017/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần L

Trụ sở: Phường A, Thị xã B, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hải M

Người đại diện theo ủy của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B –sinh năm 1979

Địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Vĩnh Phúc

(Văn bản ủy quyền số 22/TLT-TCHC ngày 18/01/2017)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn TL

Trụ sở: 580 đường A, phường B, quận P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thăng L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị L - sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 64/12 đường số 13, khu phố 19, phường D, quận Bình C

(Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2017)

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/05/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Công ty cổ phần L (gọi tắt công ty L) do bà Nguyễn Thị Ngọc B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty cổ phần TL (Tên cũ là công ty cổ phần gạch men TL) và công ty trách nhiệm hữu hạn TL (Gọi tắt công ty TL) có ký hợp đồng kinh tế số 01-1102/HĐGC ngày 17/4/2002. Nội dung hợp đồng thể hiện công ty TL làm đại lý bán hàng cho công ty L. Công ty L cung cấp hàng hóa là gạch men cho công ty TL. Từ hợp đồng chính này các bên tiến hành giao dịch với nhau bằng các lệnh đặt hàng qua điện thoại. Nội dung, chất lượng hàng hóa và phương thức thanh toán theo hợp đồng chính. Mặt hàng mà công ty L cung cấp cho công ty TL chủ yếu là gạch men nhãn hiệu Dragon và nhãn hiệu Viglacera. Việc giao dịch mua bán hai bên vẫn tiến hành bình thường. Đến năm 2012 thì hai bên ngừng giao dịch mua bán với nhau và tiến hành chốt công nợ. Ngày 01/01/2012 hai bên chốt công nợ với số tiền là 1.528.839.336 chưa trừ chi phí bao bì và chi phí cước vận tải cho công ty TL. Sau đó, hai bên tiến hành làm việc và trừ các chi phí, tổng số dư nợ mà công ty TL còn nợ công ty L tại thời điểm này là 900.387.336 đồng.

Ngày 18/8/2015 công ty TL thanh toán được số tiền là 25.000.000đồng.

Ngày 19/12/2016, hai bên tiến hành chốt công nợ đối với số tiền mà công ty TL phải trả là 875.387.336 đồng.

Ngày 21/12/2016 công ty TL tiếp tục thanh toán số tiền là 30.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền mà công ty TL còn nợ công ty L là 845.387.336 đồng.

Nay công ty L khởi kiện yêu cầu công ty TL phải thanh toán tổng cộng số tiền là 1.525.594.564đồng gồm :

Nợ gốc : 845.387.336 đồng.

Nợ lãi : 680.207.228đồng.

Tiền lãi này công ty L yêu cầu tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày Tòa xét xử là ngày 03/8/2017, mức lãi suất là 13.5%/năm. Công ty L yêu cầu công ty TL thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty TL do bà Phạm Thị L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TL là đại lý bán hàng của công ty L. Ngày 17/4/2002 công ty TL và công ty L có ký hợp đồng kinh tế số 01-1102/HĐGC ngày 17/4/2002 về việc mua bán hàng hóa là gạch men. Thực tế sau khi ký hợp đồng thì các bên tiến hành giao dịch với nhau bằng các lệnh đặt hàng qua điện thoại. Đơn giá, chất lượng và thời hạn thanh toán thống nhất với nhau thực hiện theo hợp đồng chính. Đến năm 2012, hai bên ngừng giao dịch với nhau và có tiến hành chốt công nợ. Thực chất trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty L có giao hàng bị lỗi dẫn đến hàng tồn kho lâu, kinh doanh gặp khó khăn nên việc thanh toán tiền cho công ty L có chậm trễ. công ty TL cũng đã thanh lý hết số lượng hàng lỗi. Hai bên có chốt công nợ với nhau. Công ty TL có trả cho công ty L số tiền là 55.000.000 đồng. Nay công ty TL xác nhận còn nợ công ty L số tiền 845.387.336 đồng và cũng đồng ý trả số tiền này nhưng xin thời hạn 02 năm tính từ ngày tòa xét xử. Riêng đối với khoản tiền lãi thì công ty không đồng ý trả vì thực tế hiện công ty đang khó khăn và trong quá trình giao dịch mua bán gạch men với nhau, công ty L cũng có giao sản phẩm bị lỗi nên không bán được, công ty phải chịu chi phí lưu kho bãi. Thực tế hàng lỗi cũng đã thanh lý nên không còn chứng cứ để cung cấp.

Tòa án đã tổ chức để các bên hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hợp đồng kinh tế số 01-1102/HĐGC ngày 17/4/2002, xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

Thời hạn tố tụng: Thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ mua hàng hóa là gạch men còn thiếu, đồng thời trả tiền lãi chậm thanh toán trên số dư nợ. Căn cứ đơn khởi, hợp đồng kinh tế, bảng đối chiếu công nợ, lời trình bày của hai bên, chứng cứ thu thập. Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng kinh tế số 01-1102/HĐGC ngày 17/4/2002, các bảng đối chiếu công nợ, giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận P nên Tòa án nhân dân quận P thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Xét, công ty L yêu cầu công ty TL thanh toán số tiền gốc là 845.387.336 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn công ty TL cũng đồng ý trả số nợ trên nhưng xin kéo dài thời hạn 02 kể từ ngày Tòa xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đã tiến hành chốt công nợ từ năm 2012 và kéo dài đến năm 2016. Thời hạn thanh toán cũng đã kéo dài nhưng bị đơn công ty TL vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc trên. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền trên là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005.

- Xét, công ty L yêu cầu công ty TL thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 13.5%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán gồm:

Số tiền 900.387.336 đồng : Tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 17/8/2015 (Tương ứng với 1.325 ngày) = 447.379.958 đồng ;

Số tiền 875.387.336 đồng : Tính từ ngày 18/8/2015 đến ngày 20/12/2016 (Tương ứng với 491 ngày) = 161.180.693 đồng;

Số tiền 845.387.336 đồng: Tính từ ngày 21/12/2016 đến ngày 03/8/2017 (Tương ứng với 226 ngày) = 71.646.577 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi công ty TL phải thanh toán cho công ty L là: 680.207.228 đồng

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, gửi các văn bản xác minh lãi suất nợ quá hạn của liên ngân hàng: Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam xác định được mức lãi suất nợ quá hạn của 03 ngân hàng trung bình là 14.9%/năm. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi

suất 13.5%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng số tiền mà công ty TL phải trả cho công ty L là : 1.525.594.564đồng (Trong đó nợ vốn là 845.387.336đồng, nợ lãi là 680.207.228đồng)

- Về thời hạn thanh toán:

Xét, công ty L yêu cầu công ty TL thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty TL không đồng ý và xin kéo dài thời hạn thanh toán là 02 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy công ty TL ký biên bản xác nhận số nợ với công ty L từ năm 2012 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay muốn kéo dài là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty L. Căn cứ Điều 55 Luật thương mại yêu cầu của công ty L là có cơ sở để chấp nhận.

[3]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của công ty L được chấp nhận nên công ty TL phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán là 1.525.594.564đồng = 36.000.000đồng + 3%(725.594.564đồng) = 57.767.800đồng

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí 28.426.399đồng cho công ty L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147;khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần L:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn TL có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần L số tiền là: 1.525.594.564đồng (Trong đó nợ vốn là 845.387.336đồng, nợ lãi là 680.207.228đồng)

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Công ty L có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TL không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn TL phải chịu án phí sơ thẩm là 57.767.800 đồng

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 28.426.399 đồng cho Công ty cổ phần L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009177 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương dự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.P;
- Chi cục THA DS Q.P ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thò Hồng